

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HC-ST

Ngày: 22 - 4 - 2024

V/v khiếu kiện hành vi hành chính,
quyết định hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Phong.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Thiên Phước - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, ngày 29 tháng 9 năm 2023, ngày 19 tháng 3 năm 2024 và ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2023/TLST-HC ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HC ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã P.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chi cục Thuế khu vực Đ - B.

Người đại diện theo pháp luật: Chi cục trưởng Chi cục T7 khu vực Đ - B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Phó Chi cục trưởng Chi cục T7 khu vực Đ - B. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường P, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1977. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 31/01/2023, đơn trình bày ngày 22/9/2023 và các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung của ông Huỳnh Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Huỳnh Minh T trình bày:***

Ngày 17/4/1996, ông Phạm Thanh H chuyển nhượng ngôi nhà (rộng 3,5m dài 5m) cho cha ông là ông Huỳnh C1, đã được UBND xã P xác nhận. Năm 1999, cha ông (ông C1) tổ chức họp gia đình và tặng cho ông nhà đất này. Sau khi nhận nhà đất từ cha mẹ, ông khai hoang mở rộng ra diện tích khoảng 242m². Đầu năm 2000, ông làm mái hiên phía trước để sửa xe máy. Ngày 01/6/2000, UBND xã P xử phạt hành chính (phạt cảnh cáo trước nhân dân thôn và phạt tiền) về hành vi xâm chiếm đất nông nghiệp, làm nhà trái phép với mức phạt tiền là 200.000 đồng. Cùng ngày 01/6/2000, ông đã nộp phạt xong.

Năm 2001, ông đã nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số tiền 10.000 đồng (mười ngàn đồng) theo biên lai do Chi cục Thuế huyện T7 lập ngày 24/10/2001 (số N; Q.số 000029). Năm 2002, ông tiếp tục nộp lệ phí cấp GCNQSDĐ với số tiền 15.000 đồng (mười lăm ngàn đồng) theo biên lai do Chi cục Thuế huyện T7 lập ngày 18/7/2002 (số N^o 000681; Q.số A). Ông phải nộp 2 lần lệ phí cấp GCNQSDĐ nên ông hỏi thì người thu tiền nói thu năm 2001 đã thất lạc nên yêu cầu ông nộp tiếp. Ông nghĩ không nhiều nên ông cũng nộp. Ngày 07/11/2005, ông nộp lệ phí trước bạ số tiền 46.400 đồng (bốn sáu ngàn bốn trăm đồng) theo biên lai số N^o 006303 của Chi cục Thuế huyện T7.

Ngày 02/12/2005, UBND xã P ra Giấy mời ông đến UBND xã để nhận GCNQSDĐ. Ông đến đúng hẹn nhưng UBND xã P không giao trả GCNQSDĐ cho ông là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ngày 04/11/2022, ông có đơn yêu cầu UBND xã P trả GCNQSDĐ cho ông, đến ngày 15/11/2022, UBND xã P ra Văn bản số 258/UBND trả lời cho ông biết GCNQSDĐ của ông đã bị UBND thị xã Đ thu hồi theo Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007; đồng thời UBND xã P sao Quyết định 570 kèm theo cho ông biết. Sau khi nhận được, ông mới biết UBND thị xã Đ đã thu hồi GCNQSDĐ của ông mà không giao quyết định thu hồi GCNQSDĐ cho ông theo quy định của pháp luật.

Đọc Quyết định 570 ông thấy rằng lý do thu hồi là do UBND xã P không thực hiện đúng quy định của pháp luật đất đai (UBND xã P chưa xác nhận vào đơn đăng ký nhưng cán bộ địa chính xã tự đưa vào hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ). Như vậy lỗi này là của UBND xã P mà không phải của ông vì phần công việc của ông thì ông đã làm xong, không thể bắt ông phải gánh chịu hậu quả vi phạm của UBND xã P.

Lẽ ra khi phát hiện có vi phạm này thì UBND thị xã Đ phải làm rõ trường hợp đất của ông có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không. Nếu đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ thì tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để cấp GCNQSDĐ cho ông mà không thể để từ năm 2007 đến nay không thông báo gì cho ông biết. Hơn nữa, ông tìm hiểu thì biết có một số người cũng bị thu hồi GCNQSDĐ như ông (3 hộ bị thu hồi cùng lúc với ông: Trần S, Huỳnh Ngọc H1, Tô Thị Thùy T1) nhưng Nhà nước cũng đã cấp GCNQSDĐ cho những người này. Vậy thì không có lý do gì đất của ông không đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất.

UBND thị xã Đ không nêu ra được quy định nào của pháp luật cho phép UBND thị xã Đ thu hồi Giấy CNQSD đất của ông. Chỉ nêu ra lý do vi phạm của UBND xã mà cũng chỉ nêu chung chung “*không đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước*” là thiếu căn cứ pháp lý (cần phải nêu cụ thể).

Quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông nhưng lại không giao cho ông là xâm phạm quyền của ông. Chính việc không giao này đã làm ông nghĩ là UBND xã P vẫn còn đang giữ GCNQSDĐ của ông nên ông không có kế hoạch làm lại mà ông chỉ yêu cầu giao GCNQSDĐ đã cấp cho ông. Đây là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại cho ông từ năm 2007 đến nay.

Chi cục T2 đã thu tiền lệ phí trước bạ của ông và 2 lần thu tiền lệ phí cấp GCNQSDĐ của ông nhưng UBND thị xã Đ không giải quyết khi thu hồi GCNQSDĐ của ông là gây thiệt hại cho ông.

Căn cứ vào trả lời của UBND xã P tại Văn bản số 258/UBND trả lời cho ông biết GCNQSDĐ của ông đã bị UBND thị xã Đ thu hồi theo Quyết định 570 nêu trên; đồng thời UBND xã P sao Quyết định 570 kèm theo cho ông nên ngày 15/11/2022 ông mới biết có Quyết định 570 và ông chỉ được UBND xã P giao cho ông bản sao Quyết định 570 nên không có bản sao có giá trị pháp lý giao nộp cho Tòa.

Ông yêu cầu UBND xã P thực hiện thủ tục hành chính để cấp lại GCNQSDĐ cho ông là thủ tục mà theo quy định của pháp luật phải do UBND xã thực hiện như xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, niêm yết công khai. Vì UBND xã P vi phạm trong việc thực hiện trình tự, thủ tục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nên nay phải có trách nhiệm khắc phục.

Từ khi UBND xã P không giao GCNQSDĐ cho ông thì ông có đơn gửi đến nhiều nơi trong tỉnh (có gửi đến UBND tỉnh Q, lúc đó có ông Trương Ngọc N1 - UBND tỉnh biết và theo dõi việc của ông). Từ đó đến nay không được UBND xã P hay bất kỳ cơ quan nào giải quyết cho ông, ngày 15/11/2022 ông mới biết UBND thị xã Đ đã ra quyết định 570 thu hồi GCNQSDĐ của ông.

Quyết định số 570 nêu trên xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của ông, gây thiệt hại về các khoản tiền thuế, phí như ông đã nêu trên (đây là những thiệt hại mà ai cũng biết nên không cần phải chứng minh); còn gây thiệt hại cho ông về công sức và thời gian theo đuổi khiếu nại, khởi kiện từ năm 2005 đến nay và gây thiệt hại, tổn thất về tinh thần cho ông (những thiệt hại này ông chưa yêu cầu giải quyết nên không cung cấp chứng cứ).

Ông đã tìm hiểu thì biết không có quy định nào của pháp luật quy định phải thu hồi GCNQSDĐ do thực hiện không được UBND xã ký vào đơn đăng ký nên đây là căn cứ để ông khẳng định quyết định 570 là trái pháp luật.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên xử hành vi không giao Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, thường trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ theo quy định của pháp luật là hành vi hành chính trái pháp luật;

- Hủy bỏ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông;

- Buộc UBND thị xã Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 918, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² thuộc thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và buộc UBND thị xã Đ phải bồi thường những thiệt hại về tài chính, thuế, phí và các khoản chi phí trong việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

*** Tại Văn bản số 2705/UBND ngày 08/9/2023, số 66/UBND-TNMT ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày:**

Việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, thường trú tại thôn A (nay là thôn P), xã P:

Qua kết quả điều tra vụ án của Công an huyện Đ (nay là thị xã Đ) cho thấy cán bộ địa chính xã đã tự ý lấy 04 Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của 04 hộ (trong đó có hộ ông Huỳnh Minh T) đưa vào để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa được UBND xã P xét duyệt và chưa xác nhận vào Đơn xin đăng

ký quyền sử dụng đất dẫn đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T ngày 15/11/2004, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 02516 theo Quyết định số 1625/QĐ-UB là không đảm bảo quy định pháp luật về đất đai.

Sau khi phát hiện sai phạm, UBND xã P đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa giao cho hộ ông Huỳnh Minh T) để lập thủ tục trình UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 trường hợp (trong đó có hộ ông Huỳnh Minh T).

Ngày 10/5/2007, Phòng T8 có Tờ trình số 72/TTr- TN&MT đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, Huỳnh B, Trần S và hộ bà Tô Thị Thùy T1, thường trú tại thôn A, xã P.

Ngày 18/5/2007, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 570/QĐ- UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, thường trú tại thôn A, xã P. Phần nội dung của Quyết định này không có hộ ông Huỳnh Minh T vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên chưa giao cho hộ ông Huỳnh Minh T.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N năm 2022:

Ngày 10/01/2022, ông Huỳnh Minh T3 và bà Nguyễn Thị Thanh N có Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22, địa chỉ tại: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 242m², sử dụng riêng: 242m² sử dụng vào mục đích: Đất ở nông thôn 242m², từ thời điểm: năm 1990 và năm 2000, thời hạn đề nghị được sử dụng đất: đất ở nông thôn lâu dài, nguồn gốc sử dụng: *Nguyên thừa đất này là do ông Phạm Thanh H có đơn xin đất làm nhà bán tạp hóa đã được U cấp ngày 21/9/1990 với diện tích 17,5m² (3,5mx5m) (có đơn kèm theo). Ông H làm nhà ở bán tạp hóa đến ngày 17/4/1996, vợ chồng ông H viết giấy sang nhượng nhà ở lại cho cha mẹ tôi là ông Huỳnh C1 và bà Huỳnh Thị N2 được UBND xã xác nhận ngày 17/4/1996 (có giấy sang nhượng nhà ở viết tay kèm theo). Từ đó cha mẹ tôi quản lý sử dụng mãi đến ngày 12/4/1998 tổ chức họp gia đình thống nhất để phân đất này tôi trọn quyền ở và sử dụng (có biên bản họp gia đình được Trưởng thôn và T4 ban Công tác mặt trận thôn ký chứng kiến ngày 12/4/1998 kèm theo). Từ đó vợ chồng tôi ở và sử dụng đến năm 2000 tôi có có lần thêm một phần diện tích đất chưa sử dụng phía sau do UBND xã quản lý, tại thời điểm lần đã bị UBND xã P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại Quyết định số 20/2000/QĐ-UB ngày 01/6/2000. Tôi đã nộp phạt rồi ở, sử dụng luôn phần diện tích này cho đến nay, không ai tranh chấp.*

Ngày 01/3/2022, UBND xã P xác nhận về nội dung kê khai so với hiện trạng: “Đúng theo hiện trạng”; Nguồn gốc sử dụng đất: “Nguyên thừa đất này là do ông Phạm Thanh H có đơn xin đất làm nhà bán tạp hóa đã được U cấp ngày 21/9/1990

với diện tích $17,5m^2$ ($3,5m \times 5m$) (có đơn kèm theo). Ông H làm nhà ở bán tạp hóa đến ngày 17/4/1996, vợ chồng ông H viết giấy sang nhượng nhà ở lại cho vợ chồng ông Huỳnh C1 và bà Huỳnh Thị N2 được UBND xã P xác nhận ngày 17/4/1996 (có giấy sang nhượng nhà ở viết tay kèm theo). Từ đó ông C1 và bà N2 quản lý sử dụng đến ngày 12/4/1998 tổ chức họp gia đình thống nhất để phần đất này cho con trai là ông Huỳnh Minh T trọn quyền ở và sử dụng (có biên bản họp gia đình được Trưởng thôn và T4 ban Công tác mặt trận thôn ký chứng kiến ngày 12/4/1998 kèm theo). Từ đó ông T và bà N ở và sử dụng đến năm 2000 có lần thêm một phần diện tích đất chưa sử dụng do UBND xã P quản lý, tại thời điểm ông T lần UBND xã P đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại Quyết định số 20/2000/QĐ-UB ngày 01/6/2000. Ông Huỳnh Minh T đã nộp phạt rồi ở, sử dụng luôn phần diện tích này cho đến nay”; Tình trạng tranh chấp: Hiện không có tranh chấp; Thời điểm sử dụng vào mục đích đăng ký: “Năm 1990 và 2000”; Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: “Theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Q là quy hoạch loại đất: đất ở nông thôn (ONT)”.

Sau khi kiểm tra hồ sơ đăng ký, đối chiếu hồ sơ địa chính, xác minh thực địa, ngày 20/6/2022 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thị xã Đ xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2080 (được chỉnh lý từ thửa đất số 918), tờ bản đồ số 22 xã P, diện tích $242m^2$ đất ONT theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 18 và khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, khoản 4 Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Q; nghĩa vụ tài chính về đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và chuyển hồ sơ qua Phòng Tài nguyên và Môi trường theo Tờ trình số 88/TTr-CNĐP ngày 22/8/2022.

Qua kiểm tra hồ sơ đối chiếu về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Phòng T8 có Tờ trình số 150/TTr-TNMT ngày 08/9/2022 đề nghị UBND thị xã cấp giấy chứng nhận và UBND thị xã ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 09/9/2022, số phát hành DC 497926 cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N tại thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22 xã P.

Từ diễn biến nêu trên, cho thấy việc UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/2022 cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N đối với thửa đất số 2080 (được chỉnh lý từ thửa đất số 918), tờ bản đồ số 22 xã P, diện tích $242m^2$, loại đất ONT là đúng về trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Quan điểm của UBND thị xã Đ:

Từ diễn biến trình bày như trên, UBND thị xã đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác yêu cầu của người khởi kiện là ông Huỳnh Minh T bởi các lý do sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T ngày 15/11/2004 là không đúng quy định pháp luật, đã được cơ quan nhà nước lưu giữ, chưa giao cho công dân nên nơi nhận của Quyết định số 570/QĐ- UBND ngày 18/5/2007 của UBND huyện Đ không có hộ ông Huỳnh Minh T như đã nêu trên. Do vậy, việc UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) không giao Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 là đúng quy định pháp luật.

- Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND huyện Đ là không có căn cứ pháp lý.

Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Huỳnh Minh T vào năm 2004 không đúng quy định pháp luật, đã được UBND huyện thu hồi giấy CNQSDĐ nhưng Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thị xã Đ và Chi cục T7 khu vực Đ - Ba Tư chưa phối hợp thôi trả nghĩa vụ tài chính về đất đai vào năm 2004 cho hộ ông Huỳnh Minh T.

Hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N, số phát hành DC 497926 ngày 09/9/2022 đã được Phòng T8 cung cấp trực tiếp cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 08/8/2023.

Việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N năm 2022 đã được UBND thị xã thể hiện cụ thể tại Công văn số 2705/UBND ngày 08/9/2023. Hiện nay, giấy CNQSDĐ đang chờ trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thị xã Đ do người dân chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính.

UBND thị xã chưa có Quyết định thu hồi hoặc Quyết định hủy giấy CNQSDĐ (được cấp cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N, có số phát hành DC 497926 ngày 09/9/2022) nên giấy CNQSDĐ đã nêu là hợp pháp.

*** Tại Văn bản số 156/UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã P trình bày:**

Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2007 của UBND huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Huỳnh Minh T thường trú tại thôn A xã P, huyện Đ (nay là thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Lý do thu hồi được thể hiện trong Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2007 của UBND huyện Đ. Quyết định 570 không thể hiện giao cho ông Huỳnh Minh T nên UBND xã không giao Quyết định này cho ông T. Lý do UBND xã P không cung cấp Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2007 của UBND huyện Đ trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2022 vì từ khi có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Đ đến thời điểm kê khai cấp giấy lần đầu cho ông Huỳnh Minh T UBND xã không

nhận ý kiến gì liên quan đến nội dung nêu trong Quyết định trên cũng như hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận lần đầu.

*** Tại Văn bản số 369/CCTKV-NV ngày 30/3/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thuế khu vực Đ - B và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T7 trình bày:**

Năm 2005 Chi cục Thuế huyện T7 (nay là Chi cục Thuế khu vực T7 - B) nhận được P chuyển hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 104/PC-ĐC ngày 31/12/2004 của Phòng Địa chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ về việc cấp giấy CN QSDĐ cho các hộ dân xã P. Trong đó, thông tin thửa đất ông Huỳnh Minh T như sau:

- Tên chủ sử dụng đất: Huỳnh Minh T; Thôn A; + Số tờ bản đồ: Tự kê khai; Số thửa: (không có số thửa);

- Diện tích: 232m²; Loại đất ở: 232m²; vị trí: 1; +Nguồn gốc sử dụng: Sử dụng ổn định từ năm 1988.

Căn cứ khai tờ khai Lệ phí trước bạ (mẫu 01/LPT) của ông Huỳnh Minh T lập ngày 07/11/2005, Chi cục Thuế huyện T7 (nay là Chi cục Thuế khu vực T7 - B) xác định mức tiền lệ phí trước bạ phải nộp là 46.400 đồng (Bốn mươi sáu ngàn bốn trăm đồng).

Ông Huỳnh Minh T đã nộp số tiền lệ phí trước bạ 46.400 đồng theo Biên lai thu lệ phí trước bạ số 006303 ngày 07/11/2005.

Năm 2022, Chi cục Thuế khu vực T7 - B nhận Phiếu chuyển thông tin địa chính số 5824 ngày 10/10/2022 do Văn phòng Đ – Chi nhánh thị xã Đ chuyển đến kèm theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Minh T đối với thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m², loại đất: đất ở, nguồn gốc sử dụng đất lần chiếm năm 2000. Chi cục Thuế khu vực Đ - Ba Tư tính và ban hành Thông báo số LTB2250523- TK0011905/TB-CCT và Thông báo số LTB2250523-TK0011906 TB-CCT ngày 11/10/2022. Số tiền sử dụng đất phải nộp là 121.000.000 đồng, số tiền lệ phí trước bạ phải nộp là 605.000 đồng. Đến nay ông Huỳnh Minh T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào Ngân sách Nhà nước.

Ngày 17/02/2023, Chi cục Thuế khu vực T7 - B nhận được Đơn đề nghị Chi cục Thuế xác định cho gia đình ông chỉ có một (01) thửa đất duy nhất xác nhận lập ngày 16/02/2023 của ông Huỳnh Minh T; sinh ngày 30/10/1969, tại đèo E đến ngã 3 A, tờ bản đồ số 22, thửa đất số 918 tại xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 22/02/2023 Chi cục Thuế khu vực T7 ban hành Công văn số 166/CCTKV-NV về việc trả lời đơn xác nhận của ông Huỳnh Minh T. Chi cục Thuế khu vực Đ - B nhận thấy ông Huỳnh Minh T có 02 phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính ở 2 thời điểm khác nhau, hồ sơ có sự mâu thuẫn về nguồn gốc sử dụng, không thống nhất về diện tích, do đó không xác định

số tiền lệ phí trước bạ đã nộp theo Biên lai thu lệ phí trước bạ số 006303 ngày 07/11/2005 là nộp đối với thửa đất số 918, tờ bản đồ số 22 mà ông Huỳnh Minh T nêu trong Đơn.

Trên đây là tình hình tiếp nhận giải quyết hồ sơ nghĩa vụ tài chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Huỳnh Minh T.

*** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/02/2024 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:**

Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Huỳnh Minh T tại các yêu cầu khởi kiện.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã P, Chi cục Thuế khu vực Đ - B và bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157; Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ngày 31/01/2023, ông Huỳnh Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên xử hành vi không giao Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, thường trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ theo quy định của pháp luật là hành vi hành chính trái pháp luật;

- Hủy bỏ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông;

- Buộc UBND thị xã Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 918, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² thuộc thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và buộc UBND thị xã Đ phải bồi thường những thiệt hại về tài chính, thuế, phí và các khoản chi phí trong việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Hành vi hành chính, quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo trình bày của ông Huỳnh Minh T, ngày 04/11/2022, ông T có đơn yêu cầu UBND xã P trả Giấy CNQSD đất cho ông, ngày 15/11/2022, UBND xã P có Văn bản số 258/UBND trả lời cho ông biết Giấy CNQSD đất của ông đã bị UBND thị xã Đ thu hồi theo Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ. Tại Văn bản số 156/UBND ngày 17/5/2023, UBND xã P xác định không giao Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ cho ông T. Do đó việc ông T xác định thời điểm biết Quyết định này là khi nhận Văn bản số 258/UBND ngày 15/11/2022 của xã P nên ngày 31/01/2023 ông T khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc thu hồi GCNQSDĐ của ông Huỳnh Minh T, nhận thấy:

[2.1.1] Thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² xã P do ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N đang quản lý sử dụng và được cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc do cha mẹ ông Huỳnh Minh T là ông Huỳnh C1 và bà Huỳnh Thị N2 nhận chuyển nhượng của ông Phạm Thanh H vào ngày 17/4/1996 với diện tích 17,5m² (3,5mx5m) (có giấy sang nhượng nhà ở viết tay). Ngày 12/4/1998, ông C1 và bà N2 tổ chức họp gia đình thống nhất để lại phần diện tích đất này cho ông Huỳnh Minh T (có biên bản họp gia đình được Trưởng thôn và T4 ban Công tác mặt trận thôn ký chứng kiến ngày 12/4/1998). Sau đó, vợ chồng ông Huỳnh Minh T, bà Nguyễn Thị Thanh N sử dụng thửa đất đến năm 2000 có lần thêm một phần diện tích đất chưa sử dụng phía sau do UBND xã quản lý nên UBND xã P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 20/2000/QĐ-UB ngày 01/6/2000, ông T nộp phạt xong và sử dụng luôn phần diện tích đất này.

Ngày 15/11/2004, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất này cho hộ ông Huỳnh Minh T, số vào sổ GCNQSDĐ 02516 theo Quyết định số 1625/QĐ-UB, nhưng ông Huỳnh Minh T chưa được giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Tại Báo cáo số 379/KT-CV ngày 16/6/2006 của Công an huyện Đ thể hiện: Năm 2004 UBND xã P lập tờ trình đề nghị Phòng Địa chính nay là Phòng T8 và UBND huyện Đ xem xét cấp GCNQSDĐ cho 337 hộ = 396 giấy CNQSDĐ cho nhân dân xã P. Sau khi kiểm tra hồ sơ, Phòng Địa chính huyện cùng UBND xã P lập biên bản kiểm tra nghiệm thu hồ sơ, để làm tờ trình Chủ tịch UBND huyện ký

quyết định cấp giấy chứng nhận, khi in giấy chứng nhận đối chiếu với danh sách cấp giấy chứng nhận để vào sổ thì chỉ có 392 giấy nên Phòng Địa chính yêu cầu địa chính xã P làm thủ tục cung cấp thêm 04 hồ sơ để đủ số lượng. Ông Nguyễn Tiến T5 (cán bộ địa chính hợp đồng xã P) đã tự ý lấy 04 đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ở của 04 hộ trong đó có hộ của ông Huỳnh Minh T chưa qua hội đồng xét duyệt và chưa được UBND xã xác nhận vào đơn, đưa cho Trần Văn S1 (cán bộ Phòng Địa chính) làm thủ tục cấp GCNQSDĐ ở cho 04 hộ trên. Khi có giấy báo thực hiện nghĩa vụ tài chính của Phòng Thuế và GCNQSDĐ (đầu tháng 11/2005) gửi về cho địa chính xã thì ông Bùi Ngọc T6 (cán bộ địa chính xã) giữ lại 5 giấy báo của 5 hộ trong đó có hộ ông Huỳnh Minh T. Sau đó, ông Huỳnh Minh T có đơn tố cáo ông Bùi Ngọc T6 nhận tiền làm giấy CNQSDĐ của ông T.

Kết quả điều tra xác định, cán bộ địa chính xã P có sai phạm trong việc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Minh T dẫn đến GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T ngày 15/11/2004, số vào sổ GCNQSDĐ 02516 theo Quyết định số 1625/QĐ-UB là không đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở đó, UBND xã P ban hành Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 30/11/2006 và Phòng T8 ban hành Tờ trình số 72/TTr-TN&MT ngày 10/5/2007 đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, nên ngày 18/5/2007 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 570/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T với lý do: *“Trong quá trình kê khai đăng ký lập thủ tục hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất, hộ ông Huỳnh Minh T chưa được UBND xã P xác nhận đề nghị vào đơn đăng ký, nhưng cán bộ Địa chính xã tự đưa vào hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước”*.

Tại Khoản 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 có quy định: *“2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất”*.

Khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai năm 2003 quy định: *“2. Trong thời hạn không quá năm mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến cơ quan quản lý đất đai thuộc Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ...”*

Khoản 2 Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại xã, thị trấn: *“2. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có*

trách nhiệm thẩm tra, xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất;...”

[2.1.2] Từ các căn cứ trên, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Minh T ngày 15/11/2004 theo Quyết định số 1625/QĐ-UB không thông qua trình tự xác nhận của UBND xã P là không đúng với quy định pháp luật đất đai, do đó UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T là đúng quy định nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh T về việc hủy Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND huyện Đ.

[2.2] Xét yêu cầu tuyên xử hành vi không giao Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, thường trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật là hành vi hành chính trái pháp luật, nhận thấy:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T ngày 15/11/2004 số vào sổ cấp GCNQSDĐ 02516 theo Quyết định số 1625/QĐ-UB chưa được giao cho ông Huỳnh Minh T thì phát hiện có sai phạm về trình tự thủ tục pháp luật đất đai nên UBND xã P lưu giữ giấy chứng nhận này và bị thu hồi theo Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ nên giấy chứng nhận này không còn giá trị pháp lý.

Do đó, tại Quyết định số 570/QĐ-UB ngày 18/5/2007 của UBND huyện Đ có nội dung: *UBND xã P có trách nhiệm nộp lại GCNQSDĐ cho Phòng T8, chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày nhận quyết định. Sau thời gian quy định, Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa nhận giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên thì có trách nhiệm thông báo niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND xã P và Phòng Tài nguyên Môi trường theo quy định của Nhà nước, để tổ chức cá nhân biết giấy CNQSDĐ nêu trên không còn giá trị pháp lý trong quan hệ giao dịch”,* và tại phần nơi nhận của Quyết định số 570/QĐ-UBND không thể hiện việc giao Quyết định này cho hộ ông Huỳnh Minh T nên UBND xã Phổ Nhơn không giao Quyết định số 570 cho ông Thi là đúng quy định.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu tuyên xử hành vi không giao Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, thường trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật là hành vi hành chính trái pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu buộc UBND thị xã Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 918, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² thuộc thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và buộc UBND thị xã Đ phải bồi thường những thiệt hại về

tài chính, thuế, phí và các khoản chi phí trong việc cấp lại GCNQSDĐ cho ông, nhận thấy:

Ngày 10/01/2022 ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 2080 tờ bản đồ số 22, diện tích 242m², đất ONT, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, được UBND xã P xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, không có tranh chấp.

Sau khi kiểm tra hồ sơ đăng ký, đối chiếu hồ sơ địa chính, xác minh thực địa, ngày 20/6/2022 Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh thị xã Đ xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22 xã P, diện tích 242m² đất ONT; Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 150/TTr-TNMT ngày 08/9/2022 đề nghị UBND thị xã cấp giấy chứng nhận và UBND thị xã Đ ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 09/9/2022, số phát hành DC 497926 cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N tại thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22 xã P.

Xét thấy, thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² xã P được UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N ngày 09/9/2022, theo bản đồ đo đạc đa dạng hóa nông nghiệp nông thôn năm 2006 là thửa đất số 918, tờ bản đồ số 22. Sau khi cấp GCNQSDĐ trên, ngày 10/10/2022 Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Đ chuyển thông tin địa chính kèm theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ của ông Huỳnh Minh T đối với thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22 đến Chi cục Thuế khu vực Đ - B. Tại Thông báo số LTB2250523-TK0011905/TB-CCT và Thông báo số LTB2250523-TK0011906/TB-CCT ngày 11/10/2022 của Chi cục Thuế khu vực Đ - B thì số tiền sử dụng đất ông Huỳnh Minh T phải nộp là 121.000.000 đồng và số tiền lệ phí trước bạ phải nộp là 605.000 đồng, nhưng do ông Huỳnh Minh T chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2004 của Chính phủ nên chưa được giao GCNQSDĐ do UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N ngày 09/9/2022 đối với thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² xã P.

Như vậy, việc UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ ngày 09/9/2022 cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N đối với thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22, xã P là đúng quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, khoản 3, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 18, khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, khoản 4 Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; nghĩa vụ tài chính về đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Minh T về việc buộc UBND thị xã Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 918, tờ

bản đồ số 22, diện tích 242m² thuộc thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.4] Xét yêu cầu buộc UBND thị xã Đ phải bồi thường những thiệt hại về tài chính, thuế, phí và các khoản chi phí trong việc cấp lại GCNQSDĐ cho ông.

Xét thấy, việc UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/2022 cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh Ng đối với thửa đất số 2080 (được chỉnh lý từ thửa đất số 918), tờ bản đồ số 22 xã P, diện tích 242m², loại đất ONT là đúng về trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Minh T chỉ nêu yêu cầu bồi thường mà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông bị thiệt hại về tài chính, thuế, phí và các khoản chi phí trong việc cấp lại GCNQSDĐ trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài chính số tiền 121.000.000 đồng là tiền thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ 605.000 đồng mà theo Thông báo số LTB2250523-TK0011906/TB-CCT ngày 11/10/2022 của Chi cục Thuế khu vực Đ - B yêu cầu ông nộp khi được cấp GCNQSDĐ.

Xét thấy, số tiền thuế sử dụng đất 121.000.000 đồng và lệ phí trước bạ 605.000 đồng theo Thông báo số LTB2250523-TK0011906/TB-CCT ngày 11/10/2022 của Chi cục Thuế khu vực Đ - B là nghĩa vụ tài chính về thuế mà ông Huỳnh Minh T phải nộp cho Nhà nước do UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N ngày 09/9/2022 đối với thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² xã P, không phải là số tiền mà ông T bị thiệt hại về thuế, tài chính. Mặt khác, ông T yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính, quyết định hành chính của UBND thị xã Đ là trái pháp luật là không có cơ sở chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Minh T về việc buộc UBND thị xã Đ phải bồi thường thiệt hại về tài chính, thuế, phí và các khoản chi phí trong việc cấp lại GCNQSDĐ cho ông.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh T.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005481 ngày 23/3/2023 do ông Huỳnh Minh T nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2

Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 18, khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên xử hành vi không giao Quyết định 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Minh T, thường trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ theo quy định của pháp luật là hành vi hành chính trái pháp luật;

- Hủy bỏ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 18/5/2007 của UBND thị xã Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Minh T;

- Buộc UBND thị xã Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 918, tờ bản đồ số 22, diện tích 242m² thuộc thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và buộc UBND thị xã Đ phải bồi thường những thiệt hại về tài chính, thuế, phí và các khoản chi phí trong việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Minh T.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Minh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005481 ngày 23/3/2023.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Hành chính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh